TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Anh Chế Quang V, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh V vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2021, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chế Quang V tự tìm hiểu nhau và tiến tới kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện LT vào năm 2008. Sau khi kết hôn, đến năm 2009 chị sinh con thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do anh V đi buôn bán và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau đó vợ

chồng có bàn bạc đoàn tụ chung sống nhưng trong cuộc sống không hạnh phúc nguyên nhân do hai vợ chồng không đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên chữi bới chị, dùng những lời lẽ không hay xúc phạm đến chị và thường xuyên đuổi chị ra khỏi nhà, vì hai con nên chị cố gắng chung sống với anh V nhưng đến nay anh V cũng không thay đổi. Hiện tại chị cảm thấy rất mệt mỏi, chị không thể tiếp tục chung sống và xây dựng gia đình hạnh phúc với anh V, chị không đồng ý hòa giải đoàn tụ, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung:

1. Cháu Chế Thụy V, sinh ngày 13/01/2009.

2. Cháu Chế Thị Kim N, sinh ngày 05/6/2011.

Ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, vì mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn anh V đuổi chị đi và nói giao hai con cho chị nuôi và chị xét thấy chị có khả năng nuôi con tốt hơn anh V, mặt khác hai cháu là cháu gái nên mẹ nuôi thì tốt hơn.

Hiện tại chị làm công nhân khu Công nghiệp MX huyện TT, thu nhập hàng tháng khoảng hơn 6.000.000 đồng. Nếu ly hôn và được nuôi con, chị và hai con sẽ về nhà bà Ngoại ở xã ĐP, huyện NT sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị để anh V tự có trách nhiệm, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 cất trên phần đất diện tích khoảng 145 m^2, nguồn gốc đất là nhận chuyển của người khác nhưng chưa sang tên và một số vật dụng sinh hoạt gia đình. Về tài sản hiện tại chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Chế Quang V vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị H và chứng cứ tại hồ sơ cho thấy: Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời gian ly thân kéo dài. Vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn anh V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H .

+ Về con chung: Có hai con chung cháu Chế Thụy V, sinh ngày 13/01/2009 và cháu Chế Thị Kim N, sinh ngày 05/6/2011. Xét nguyện vọng của hai cháu đều muốn sống chung với chị H nên đề nghị giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, và nợ chung: Đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Chế Quang V có nơi cư trú tại ấp 1 B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Chế Quang V đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét hôn nhân giữa chị H, anh V xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 143/2008 ngày 13/8/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh V nhưng anh V không chấp hành tống đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy anh V không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị H, không thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ theo luật định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không hạnh phúc, thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt theo như lời khai của chị H là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, việc chị H yêu cầu được ly hôn anh V là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Có hai con chung.

1. Cháu Chế Thụy V, sinh ngày 13/01/2009.

2. Cháu Chế Thị Kim N, sinh ngày 05/6/2011.

Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, xét phù hợp nguyện vọng của hai con chung, mặt khác hai con chung đều là cháu gái nên cần có mẹ chăm sóc tốt hơn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H giao hai con chung cho chị H được quyền nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Theo luật định chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H đối với bị đơn anh Chế Quang V về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Xử cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Chế Quang V.

2/ Về con chung: Có hai con chung.

+ Cháu Chế Thụy V, sinh ngày 13/01/2009.

+ Cháu Chế Thị Kim N, sinh ngày 05/6/2011.

Giao cho chị Nguyễn Thị Kim H được quyền nuôi dưỡng hai con chung, tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền đến thăm nom hai con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005199 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị H đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chế Quang V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã PT, H.Long Thành (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà